**I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ, LỚP 6**

**Năm học 2022 - 2023**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/**  **Đơn vị**  **kiến thức** | | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu**  **(TL)** | **Vận dụng**  **(TL)** | **Vận dụng cao**  **(TL)** |
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | | |
| **1** | **Vì sao**  **phải học Lịch sử?** | - Lịch sử và cuộc sống.  - Thời gian trong lịch sử | | 4 |  | 1 |  | 20% |
| **2** | **Xã hội nguyên thủy** | - Nguồn gốc loài người  - Xã hội nguyên thủy.  - Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy | | 4 | 1 |  | 1 | 30% |
| **Tỉ lệ** | | | | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** | **50%** |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | | |
| **1** | **Trái đất – hành tinh của hệ mặt trời** | | - Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời  - Hình dạng, kích thước Trái Đất  - Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí. | 1 |  |  |  | 2.5% |
| **2** | **Cấu tạo của trái đất. Vỏ trái đất** | | - Cấu tạo của Trái Đất  - Các mảng kiến tạo  - Hiện tượng động đất, núi lửa và sức phá hoại của các tai biến thiên nhiên này  - Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi  - Các dạng địa hình chính  - Khoáng sản | 3 | 1 |  |  | 22.5 % |
| **3** | **Khí hậu và biến đổi khí hậu** | | - Các tầng khí quyển. Thành phần không khí.  - Các khối khí. Khí áp và gió.  - Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu  - Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó. | 4 |  | 1a | 1b | 25 % |
| **Tỉ lệ** | | | | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** | **50%** |
| **Tổng hợp chung** | | | | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** | **100%** |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: LỊCH SỬ- ĐỊA LÍ 6**

**\* Phân môn Lịch sử**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Vì sao phải học Lịch sử?** | - Lịch sử và cuộc sống.  - Dựa vào đâu để biết và phục dựng lại Lịch sử?  - Thời gian trong lịch sử | **Nhận biết:** Nêu được khái niệm lịch sử , môn Lịch sử, khái niệm thời gian trong lịch sử (thập kỉ..)  **Thông hiểu**  - Giải thích được lịch sử là những gì, sự cần thiết phải học môn Lịch sử.  - Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu  **Vận dụng:** Tính được thời gian trong lịch sử. | 4 | 1 | 1 |  |
| **2** | **Xã hội nguyên thủy** | - Nguồn gốc loài người  - Xã hội nguyên thủy.  - Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy | **Nhận biết**  - Những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam; những nét chính về đời sống của người thời nguyên thuỷ trên Trái đất; đời sống của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam.  - Quá trình phát hiện ra kim loại đối với sự chuyển biến và phân hóa từ XH nguyên thuỷ sang XH có giai cấp.  **Thông hiểu**  - Quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất; các giai đoạn tiến triển của XH người nguyên thuỷ.  - Giải thích được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thuỷ cũng như của con người và xã hội loài người.  - Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp; sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.  - Giải thích được sự tan rã của xã hội nguyên thuỷ,…  **Vận dụng**  - Xác định được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á  **-** Nhận xét được vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp. (VD cao) | 4 |  |  | 1 |
| **Số câu/ loại câu** | | |  | **8 câu TNKQ** | **1 câu TL** | **1 câu (a) TL** | **1 câu (b) TL** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **20** | **15** | **10** | **5** |

**\*Phân môn Địa lí**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Trái đất – hành tinh của hệ mặt trời** | – Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời  – Hình dạng, kích thước Trái Đất  – Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí | **Nhận biết**  – Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.  – Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất.  – Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh trục và quanh Mặt Trời.  **Thông hiểu**  – Nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực (múi giờ).  – Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau  – Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.  **Vận dụng**  – Mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến.  – So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất. | 1 |  |  |  |
| **2** | **Cấu tạo của trái đất. Vỏ trái đất** | – Cấu tạo của Trái Đất  – Các mảng kiến tạo  – Hiện tượng động đất, núi lửa và sức phá hoại của các tai biến thiên nhiên này  – Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi  – Các dạng địa hình chính  – Khoáng sản | **Nhận biết**  – Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp.  – Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa  – Kể được tên một số loại khoáng sản.  **Thông hiểu**  – Nêu được nguyên nhân của hiện tượng động đất và núi lửa.  – Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh: Khái niệm, nguyên nhân, biểu hiện, kết quả.  – Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi.  **Vận dụng**  – Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau.  – Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất: Núi, đồi, cao nguyên, đồng bằng.  – Đọc được lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản.  **Vận dụng cao**  – Tìm kiếm được thông tin về các thảm hoạ thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra. | 3 | 1 |  |  |
| **3** | **Khí hậu và biến đổi khí hậu** | – Các tầng khí quyển. Thành phần không khí  – Các khối khí. Khí áp và gió  – Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu  – Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó. | **Nhận biết**  – Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu;  – Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.  – Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.  – Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.  **Thông hiểu**  – Hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic đối với tự nhiên và đời sống.  – Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu: ranh giới, nhiệt độ, lượng mưa, chế độ gió.  – Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu. – Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa.  **Vận dụng**  – Biết cách sử dụng nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế.  **Vận dụng cao**  – Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa; xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới.  – Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. | 4 |  | 1a | 1b |
| **Số câu/ loại câu** | | |  | **8 câu TNKQ** | **1 câu TL** | **1 câu (a) TL** | **1 câu (b) TL** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **20** | **15** | **10** | **5** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |

**III. ĐỀ BÀI**

**Phần I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**

**Khoanh vào chữ cái đầu câu trả lời đúng**

**Câu 1:**Lịch Sử được hiểu là tất cả những gì

A. đã xảy ra trong quá khứ. B. sẽ xảy ra trong tương lai.

C. đang diễn ra ở hiện tại. D. đã và đang diễn ra trong đời sống.

**Câu 2.**Phân môn Lịch Sử mà chúng ta được học là môn học tìm hiểu về

A. tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ.

B. những chuyện cổ tích do người xưa kể lại.

C. sự biến đổi của khí hậu qua thời gian.

D. quá trình hình thành và phát triển của xã hội loài người.

**Câu 3.**Học lịch sử giúp em tìm hiểu về

A. quá trình dựng nước và giữ nước của cha ông.

B. sự sinh trưởng và phát triển của các loài sinh vật trên Trái Đất.

C. chu kì chuyển động của các thiên thể trong vũ trụ.

D. sự biến đổi của môi trường, khí hậu qua thời gian.

**Câu 4.**Ai là tác giả của hai câu thơ sau:

“Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”

A. Trường Chinh. B. Võ Nguyên Giáp. C. Hồ Chí Minh. D. Phạm Văn Đồng.

**Câu 5.** Quá trình tiến hóa từ vượn thành người diễn ra theo tiến trình nào sau đây?

A. Vượn người => Người hiện đại => Người tối cổ.

B. Người tối cổ => Người tinh khôn => Vượn nhân hình.

C. Vượn người => Người tối cổ => Người tinh khôn.

D. Người hiện đại => Người tối cổ => Vượn người.

**Câu 6.** Cách ngày nay khoảng 4 triệu năm, một nhánh của loài Vượn cổ đã tiến hóa thành

A. Vượn người. B. Người tối cổ.

C. Người tinh khôn. D. Người hiện đại.

**Câu 7.** Những dấu tích nào của người tối cổ được tìm thấy tại Đông Nam Á?

A. Công cụ và vũ khí bằng đồng. B. Di cốt hóa thạch và công cụ bằng đá.

C. Di cốt hóa thạch và vu khí bằng sắt. D. Đồ gốm và vũ khí bằng đồng thau.

**Câu 8.** Nội dung nào dưới đây **không đúng**khi mô tả đặc điểm hình thể của Người tinh khôn?

A. Cấu tạo cơ thể cơ bản giống với con người hiện nay.

B. Thể tích hộp sợ lớn hơn so với Người tối cổ.

C. Trán thấp, bợt ra sau, u mày nổi lên cao.

D. Trên cơ thể chỉ còn một lớp lông mỏng.

**Câu 9.** Vai trò của Địa lí trong học tập là:

A. giúp khai thác kiến thức môn Lịch sử và Địa lí

B. giúp xác định vị trí và tìm đường đi

C. giúp dự báo các hiện tượng tự nhiên (bão, gió…)

D. sử dụng trong quân sự

**Câu 10.** Bán cầu Bắc nằm ở vị trí

A. phía dưới đường Xích Đạo. B. phía trên đường Xích Đạo.

C. phía bên phải của đường kinh tuyến gốc. D. phía bên trái của đường kinh tuyến gốc.

**Câu 11.** Kinh tuyến gốc là đường kinh tuyến:

A. số 00. B. số 900. C. số 1800. D. Số 3600.

**Câu 12.** Bước đầu tiên cần làm khi đọc hiểu nội dung của một bản đồ bất kì là

A. tìm phương hướng. B. xem tỉ lệ bản đồ.

C. đọc bản chú giải. D. đọc đường đồng mức.

**Câu 13.** Để thể hiện ranh giới quốc gia trên bản đồ, người ta dùng kí hiệu

A. điểm. B. đường. C. diện tích. D. hình học.

**Câu 14.** Trái Đất ở vị trí thứ mấy theo thứ tự xa dần Mặt Trời?

A. Vị trí thứ 3. B. Vị trí thứ 5. C. Vị trí thứ 7. D. Vị trí thứ 9.

**Câu 15.** Trái đất có dạng:

A. hình tròn. B. hình cầu. C. hình vuông. D. hình elíp.

**Câu 16**: Thời gian tự quay 1 vòng quanh trục của Trái Đất là

A. 6 giờ B. 12 giờ C. 24 giờ D. 30 giờ

**Phần II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

**Câu 1. (1,5 điểm).** Em hiểu thế nào về tư liệu hiện vật, tư liệu chữ viết, tư liệu truyền miệng? Theo em, các tư liệu đó có ý nghĩa và giá trị gì?

### Câu 2. (1,0 điểm). Các sự kiện dưới đây xảy ra cách ngày nay khoảng bao nhiêu năm?

- Khoảng thiên niên kỉ III TCN, người Ai Cập đã biết làm lịch.

- Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng nổ ra năm 40.

**Câu 3**. **(0,5 điểm).** Phân tích sự tác động của kim loại đối với đời sống của con người?

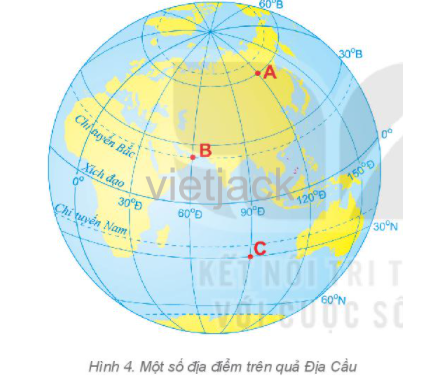
**Câu 4. (1,5 điểm)**

Dựa vào kiến thức đã học, hãy trình bày hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau trên Trái Đất?

**Câu 5. (1,5 điểm)**

a. Sea Games 31 diễn ra tại Việt Nam (múi giờ số 7), trận bóng đá giữa Việt Nam và Thái Lan diễn ra tại sân vận động Mỹ Đình (Hà Nội) lúc 19 giờ 00 phút ngày 22/5/2022. Hỏi lúc đó tại Nhật Bản (múi giờ số 9) là mấy giờ?

b. Xác định tọa độ địa lí của các điểm A, B trên hình 4.



**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM - ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM**

**1. Trắc nghiệm (4,0 điểm)**

**- Học sinh khoanh đúng mỗi câu được 0,25 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| **Đáp án** | A | D | A | C | C | B | B | C | A | B | A | C | B | A | B | C |

**2. Tự luận (6,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | *\* Hiểu về tư liệu hiện vật, tư liệu chữ viết, tư liệu truyền miệng:*  - Tư liệu hiện vật: là những di tích, đồ vật,… của người xưa còn lưu lại trong lòng đất hay trên mặt đất.  - Tư liệu chữ viết: là những bản ghi, tài liệu chép tay hay sách được in, khắc chữ.  - Tư liệu truyền miệng: là những câu chuyện dân gian được kể truyền miệng từ đời này qua đời khác.  *\* Ý nghĩa và giá trị của các loại sử liệu:*  - Là bằng chứng giúp các nhà sử học "dựng lại lịch sử" một cách chính xác và khách quan nhất.  - Giúp ta hình dung về cuộc sống tinh thần và vật chất của cuộc sống con người, giúp lí giải một số hiện tượng, sự việc dựa trên những chứng cứ khoa học. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,5 |
| **2** | - Khoảng thiên niên kỉ III TCN, người Ai Cập đã biết làm lịch: 3000 + 2022 = 5022 năm  - Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng nổ ra năm 40: 2022 - 40 = 1982 năm | 0,5  0,5 |
| **3** | *\* Phân tích sự tác động của kim loại đối với đời sống của con người?*  - Kể từ khi kim loại xuất hiện, việc sử dụng các công cụ bằng kim loại giúp cho người nguyên thủy mở rộng địa bàn cư trú. Họ đã biết dùng cày gỗ có lưỡi cày đồng để làm nông nghiệp (cày ruộng, trồng lúa, gặt…).  - Cuộc sống của người nguyên thủy ngày càng ổn định. Sự phát triển kinh tế đã dẫn đến phân hóa trong đời sống xã hội -> chuyển biến từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp. | 0,25  0,25 |
| **4** | Trình bày hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau trên Trái Đất;  - Trái Đất có dạng hình cầu nên lúc nào cũng chỉ được Mặt Trời chiếu sáng một nửa.  + Nửa được chiếu sáng gọi là ban ngày.  + Nửa nằm trong bóng tối gọi là ban đêm.  - Trái Đất luôn vận động tự quay quanh trục hướng từ tây sang đông nên khắp mọi nơi trên Trái Đất đều lần lượt có ngày và đêm luân phiên nhau. | 0.5  0.25  0.25  0.5 |
| **5** | a. Tính giờ:  - Chênh lệch múi giờ giữa Việt Nam và Nhật Bản là: 9 - 7 = 2 (múi).  - Trận bóng đá giữa Việt Nam và Thái Lan diễn ra tại sân vận động Mỹ Đình (Hà Nội) lúc 19 giờ 00 phút ngày 22/5/2022 thì lúc đó tại Nhật Bản có số giờ là: 19 + 2 = 21 (giờ) | 0.5 |
| b. Xác định tọa độ địa lí của các điểm A, B:  - Điểm A (600B, 1200Đ).  - Điểm B (23027’B, 600Đ). | 0,5  0,5 |